|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ MÔI TRƯỜNG**  Số: /2025/TT-BNNMT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày .. tháng .. năm 2025* |

**DỰ THẢO 01**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền**

**trong lĩnh vực thủy lợi khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp**

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ về phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi,*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực thủy lợi khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.*

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thônquy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 6 như sau:

“d) Lấy ý kiến của tổ chức khai thác công trình thủy lợi, các cơ quan, tổ chức liên quan đối với Dự thảo quy trình vận hành công trình thủy lợi;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Lấy ý kiến của các tổ chức, cơ quan đơn vị liên quan

***Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi*** có trách nhiệm lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị liên quan đối với quy trình vận hành công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt; công trình thủy lợi mà việc liên quan đến 02 tỉnh trở lên, có tính chất nguồn nước phức tạp và có nguy cơ xảy ra tranh chấp về sử dụng nước từ công trình thủy lợi;

***Sở Nông nghiệp và Môi trường*** có trách nhiệm lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan đối với Dự thảo quy trình vận hành công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, trừ quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn một xã .

Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi ***cấp xã*** có trách nhiệm lấy ý kiến tổ chức thủy lợi cơ sở và các cơ quan liên quan trên địa bàn đối với quy trình vận hành công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi ***cấp xã*** là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành công trình do ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** phê duyệt.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 tại Điều 9 như sau:

“1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi do Bộ quản lý trực tiếp;

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi có liên quan đến 02 tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn từ 02 xã trở lên, trừ công trình thủy lợi quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 15 như sau:

“1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý công trình thủy lợi do Bộ quản lý trực tiếp.

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt; công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý hoặc phân cấp cho ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Đối với công trình do ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường*** phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý; công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** quản lý:

a) ***Sở Nông nghiệp và Môi trường*** chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh và quy mô thủy lợi nội đồng;

b) Tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc địa phương có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi xác định cụ thể vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** nơi có công trình, công bố công khai phương án cắm mốc chỉ giới, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ.

7. Thay thế cụm từ ***“Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”*** bằng cụm từ ***“Bộ Nông nghiệp và Môi trường”***; cụm từ ***“Tổng cục Thủy lợi”*** bằng cụm từ ***“Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi***”; cụm từ ***“Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”*** bằng cụm từ ***“Sở Nông nghiệp và Môi trường”*** tại Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022.

8. Thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 6 như sau:

“2. Trước ngày 30 tháng 3 của năm trước kỳ kế hoạch, ***Sở Nông nghiệp và Môi trường*** gửi văn bản hướng dẫn ***Ủy ban nhân dân cấp xã***; đơn vị cấp nước về việc đề xuất nội dung kế hoạch.

“3. Trước ngày 30 tháng 4 của năm trước kỳ kế hoạch, ***Ủy ban nhân dân cấp xã***, đơn vị cấp nước đề xuất nội dung kế hoạch và danh mục công trình đáp ứng yêu cầu tại Điều 4 Thông tư này, gửi ***Sở Nông nghiệp và Môi trường***. Nội dung đề xuất theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7 như sau:

“a) Trước ngày 30 tháng 3 của năm xây dựng kế hoạch điều chỉnh, ***Sở Nông nghiệp và Môi trường*** gửi văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị cấp nước về việc đề xuất nội dung kế hoạch điều chỉnh;

“b) Trước ngày 30 tháng 4 của năm điều chỉnh kế hoạch, ***Ủy ban nhân dân cấp xã***; đơn vị cấp nước đề xuất nội dung thực hiện cấp nước an toàn và danh mục công trình điều chỉnh đáp ứng yêu cầu tại Điều 4 Thông tư này, gửi ***Sở Nông nghiệp và Môi trường***; Nội dung và danh mục công trình đề xuất điều chỉnh thực hiện theo Phụ lục I Thông tư này;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Tổng hợp kết quả, hướng dẫn kiểm tra, đánh giá độc lập và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên phạm vi toàn quốc.

4. Bổ sung khoản 1a, khoản 1b vào sau khoản 1 và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“1a. Phối hợp và giám sát thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn.

“1b. Phối hợp xây dựng thông tin, dữ liệu về bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

“2. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện cấp nước an toàn cho Ủy ban nhân cấp tỉnh, ***Sở Nông nghiệp và Môi trường*** theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Hằng năm, báo cáo ***Sở Nông nghiệp và Môi trường***, ***Ủy ban  
nhân dân cấp xã*** về kết quả phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước  
an toàn đối với các công trình do đơn vị quản lý theo Phụ lục VI ban hành kèm  
theo Thông tư này.

6. Thay thế cụm từ ***“Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”*** bằng cụm từ ***“Bộ Nông nghiệp và Môi trường”***; cụm từ ***“Tổng cục Thủy lợi”*** bằng cụm từ ***“Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi”***; cụm từ ***“Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”*** bằng cụm từ ***“Sở Nông nghiệp và Môi trường”*** tại Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022.

7. Bãi bỏ Điều 18.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng Chính phủ; - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; - Toà án Nhân dân tối cao; - Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);  - Các Thứ trưởng Bộ NNMT;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - UBND, Sở NN và MT các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử CP; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; - Các đơn vị thuộc Bộ NNMT, Cổng TTĐT Bộ NNMT;  - Các Chi Cục Thuỷ lợi, Công ty KTCTTL; - Lưu VT, QL | | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG**  **Nguyễn Hoàng Hiệp** |
|  | |

**PHỤ LỤC II**

**DANH MỤC PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

**MÀ VIỆC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ LIÊN QUAN ĐẾN HAI TỈNH TRỞ LÊN**

*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày tháng 6 năm 2025*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

| **TT** | **Tên công trình/ hệ thống** | **Phạm vi phục vụ(2)** | **Phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; địa phương** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **CÔNG TRÌNH DO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ** | | | |
| 1 | Bắc Hưng Hải | Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Bắc Giang | Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý công trình đầu mối, hệ thống kênh trục chính, quan trọng |
| UBND cấp tỉnh liên quan quản lý công trình trong tỉnh |
| 2 | Dầu Tiếng - Phước Hòa | Long An, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh | Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý công trình đầu mối, hệ thống kênh trục chính, quan trọng |
| UBND cấp tỉnh liên quan quản lý công trình trong tỉnh |
| 3 | Cái Lớn - Cái Bé | An Giang, Cần Thơ, Cà Mau | Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý các cống: Cái Lớn, Cái Bé, Xẻo Rô. |
| UBND cấp tỉnh liên quan quản lý công trình trong tỉnh. |
| 4 | Quản Lộ - Phụng Hiệp | An Giang, Hậu Giang, Cà Mau | Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý: Cống âu thuyền Ninh Quới |
| UBND cấp tỉnh liên quan quản lý công trình trong tỉnh |
| **II** | **[[1]](#footnote-1)CÔNG TRÌNH PHÂN CẤP CHO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ[[2]](#footnote-2)** | | | |
| 1 | Hệ thống Sông Cầu | Bắc Giang, Thái Nguyên | UBND tỉnh Bắc Giang quản lý |
| 2 | Hệ thống Cầu Sơn - Cấm Sơn | Bắc Giang, Lạng Sơn |
| 3 | Núi Cốc | Thái Nguyên, Bắc Giang, Hà Nội | UBND tỉnh Thái Nguyên quản lý |
| 4 | Liễn Sơn | Phú Thọ, Hà Nội | UBND thành phố Hà Nội quản lý trạm bơm Quyết Tiến và công trình khác trong thành phố |
| UBND tỉnh Phú Thọ quản lý các công trình khác trong tỉnh |
| 5 | Đại Lải | Phú Thọ, Hà Nội | UBND tỉnh Phú Thọ quản lý công trình đầu mối và công trình trong tỉnh |
| UBND thành phố Hà Nội quản lý công trình trong thành phố |
| 6 | Hệ thống Sông Nhuệ | Hà Nội, Ninh Bình | UBND thành phố Hà Nội quản lý công trình đầu mối, toàn bộ kênh trục chính, cống Nhật Tựu, Lương Cổ, Điệp Sơn |
| UBND tỉnh Ninh Bình quản lý công trình trong tỉnh |
| 7 | Bắc Đuống | Bắc Giang, Hà Nội | UBND tỉnh Bắc Ninh quản lý công trình đầu mối, kênh trục chính |
| UBND thành phố Hà Nội quản lý công trình khác trong hệ thống. |
| 8 | Ia Mơr | Bình Định, Đắk Lắk | UBND tỉnh Bình Định quản lý công trình đầu mối, kênh chính, kênh liên tỉnh và công trình trên địa bàn tỉnh |
| UBND tỉnh Đắk Lắk liên quan quản lý công trình trên địa bàn tỉnh |
| 9 | Hệ thống Suối Giai | Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh | UBND tỉnh Đồng Nai quản lý công trình đầu mối, công trình trong tỉnh |
| UBND Thành phố Hồ Chí Minh quản lý công trình trong tỉnh |
| 10 | Đồng Tháp Mười | Long An, Tiền Giang | UBND cấp tỉnh quản lý công trình trong tỉnh |
| 11 | Tứ Giác Long Xuyên | An Giang, Cần Thơ |
| 12 | Ô Môn - Xà No | Cần Thơ, An Giang |
| 13 | Bảo Định | Tiền Giang, Long An |
| 14 | Hồ Sông Ray | Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai | UBND Thành phố Hồ Chí Minh quản lý |
| 15 | Hồ Cầu Mới | Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh | UBND tỉnh Đồng Nai quản lý |
| 16 | Hồ Kim Sơn | Hà Tĩnh, Quảng Bình | UBND tỉnh Hà Tĩnh quản lý |

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đã đề xuất sửa Luật Thủy lợi theo hướng phân quyền cho địa phương quản lý công trình liên tỉnh và giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định danh mục công trình liên tỉnh giao địa phương quản lý phù hợp với đặc điểm công trình

   2 Dự kiến thay đổi tên gọi các tỉnh theo Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 [↑](#footnote-ref-2)